

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN
Kèm theo Quyết định số 874 /QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (16 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (06 TTHC)	
1	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	
2	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
6	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
II	LĨNH VỰC THÚ Y (10 TTHC)	
7	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	
8	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
10	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
12	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	
14	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
16	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: CN, TY&TS
- Thú y và Tổng hợp: TY&TH
- Chăn nuôi và Thủy sản: CN&TS
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Bưu chính công ích: BCCI
- Nhân viên bưu điện: NVBD

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (06 TTHC)

1. Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu

Tổng thời gian thực hiện TTHC:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:
 Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định nội dung hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/quan mạng
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/quan mạng
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Thẩm định nội dung hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp Giấy chứng nhận.	Chuyên viên phòng CN&TS	3,5 ngày	3,5 ngày
B4	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Xem xét, ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B7	- Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày	08 ngày

2. Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:
Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm; Xem xét, ban hành Quyết định; Thông báo công khai Quyết định: Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/quan mạng
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/quan mạng
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Thẩm định nội dung hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm	Chuyên viên phòng CN&TS	1,5 ngày	1,5 ngày
B4	- Tổ chức họp đánh giá khảo nghiệm	Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm	02 ngày	02 ngày
B5	- Hoàn thiện hồ sơ sau; Dự thảo Quyết định công nhận hoặc văn bản không công nhận - Dự thảo văn bản Thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	Chuyên viên phòng CN&TS	03 ngày	03 ngày
B6	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B7	Xem xét, ký ban hành Quyết định hoặc văn bản không công nhận; Văn bản Thông báo công khai Quyết định	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B8	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B9	Thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	Chuyên viên phòng CN&TS	03 ngày	03 ngày
B10	- Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			13 ngày	14 ngày

3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

- + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.
- + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:
Trong thời hạn 01 ngày làm việc.
- Thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế; cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/quan mạng
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Thẩm định nội dung hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B4	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra.	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B5	- Kiểm tra, đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra	04 ngày	04 ngày
B6	- Hoàn thiện hồ sơ sau kiểm tra; - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên phòng CN&TS	03 ngày	03 ngày
B7	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B8	Xem xét, ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối;	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			12 ngày	13 ngày

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:
Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư Sở/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	2,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra.	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	06 ngày	06 ngày
B7	- Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN, &TS; - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp.	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; Thông kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/Chuyên viên	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày	16 ngày

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)

5.1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 13 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở	Đoàn kiểm tra	04 ngày	04 ngày
B7	- Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN&TS - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		13 ngày	14 ngày

5.2. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng

5.2.1. Đối với trường hợp nước nhập khẩu không yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 10 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên Phòng CN&TS	06 ngày	06 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	1,5 ngày	1,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày	11 ngày

5.2.2. Đối với trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận: 13 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở	Đoàn kiểm tra	04 ngày	04 ngày
B7	- Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN&TS - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã,	Không tính thời gian	

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
		phường/NVBD/ Chuyên viên		
	Tổng thời gian giải quyết		13 ngày	14 ngày

6. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tổng thời gian thực hiện TTHC:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:
Trong thời hạn 01 ngày làm việc

- Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường / Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản không đồng ý	Chuyên viên Phòng CN&TS	5,5 ngày	01 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	02 ngày	0,5 ngày
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày	11 ngày

II. LĨNH VỰC THÚ Y (10 TTHC)

1. Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

Tổng thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng TY&TH	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng TY&TH	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản không đồng ý	Chuyên viên phòng TY&TH	02 ngày
B4	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng TY&TH	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký ban hành Giấy phép hoặc văn bản không đồng ý	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày
B7	- Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

2. Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y

Tổng thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Dự thảo Chứng chỉ hành nghề thú y và chuyển hồ sơ cùng ý kiến xử lý cho lãnh đạo Phòng TY&TH	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Chứng chỉ hành nghề thú y - Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo Phòng xử lý.	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ

3. Nhóm TTHC, bao gồm:

3.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

3.2. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)

3.3. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

3.4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

3.5. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

3.6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y**3.7. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y**

Thời gian giải quyết 01 TTHC: 07 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	16 giờ
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo văn bản trả kết quả trình Lãnh đạo Phòng CN&TS	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	04 giờ
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			56 giờ

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

4.1. Trường hợp cấp mới

Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở	Đoàn kiểm tra	16 giờ
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Phòng Chi cục CN&TS	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	04 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		56 giờ

4.2. Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng hoặc văn bản không cấp; chuyển hồ sơ cùng ý kiến xử lý cho lãnh đạo Phòng TY&TH	Chuyên viên Phòng TY&TH	20 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	04 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBD/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		40 giờ